



**Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring
Investments Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thông tin chung

**Giấy chứng nhận đăng ký chào
bán chứng chỉ quỹ ra công chúng**

70/GCN-UBCK cấp ngày 4 tháng 12 năm 2013

**Giấy chứng nhận đăng ký thành lập
Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

09/GCN-UBCK cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng Quỹ mở do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

Ban Đại diện Quỹ

Ông Đinh Bá Thành
Ông Lê Văn Bé
Ông Đặng Thế Đức

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Trụ sở đăng ký

Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center
37 Tôn Đức Thắng
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 198”) về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 183”) về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 15”) về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư 183 về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư 15 về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Thay mặt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments


Ông Nguyễn Tuan Thên An
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ:

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) hướng đến việc gia tăng một cách ổn định và bền vững về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm kết thúc cùng ngày, Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đã tăng 52,62% so với Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ là “phân bổ tài sản hợp lý” và “chọn lựa Tài sản Mục tiêu”. Quỹ sẽ áp dụng chiến lược phân bổ và cơ cấu tài sản một cách năng động để ứng phó với tình hình kinh tế vĩ mô và diễn biến của thị trường nhằm bảo toàn vốn và tận dụng tăng trưởng giá trị quỹ khi có cơ hội. Cụ thể, việc phân bổ tài sản của Quỹ chủ yếu được thực hiện như sau:

- Cổ phiếu từ 0% - 80%
- Trái phiếu từ 0% - 80%
- Tiền từ 0% - 49%

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ hoạt động dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở và thời gian hoạt động không xác định.

5. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 09/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014.

6. Quy mô Quỹ tại ngày lập báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 7.360.647,49 chứng chỉ quỹ
- Tổng giá trị chứng chỉ quỹ theo mệnh giá: 73.606.474.900 VND
- Tổng giá trị tài sản ròng: 143.963.332.047 VND

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

7. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi nhuận của Quỹ được phân phối theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ và không có bất kỳ cam kết nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

8. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ:

Cơ cấu tài sản của Quỹ	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2015
	(%)	(%)	(%)
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,35	3,02	10,50
Các khoản đầu tư	88,58	95,45	88,05
Các khoản phải thu	1,07	1,53	1,45
Tổng	100,00	100,00	100,00

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2015
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	143.963.332.047	94.324.897.681	81.778.304.889
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (chứng chỉ quỹ)	7.360.647,49	6.706.616,94	6.782.239,27
2.3. Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (VND)	19.559	14.064	12.058
2.4. Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ cao nhất trong năm (VND)	19.559	14.759	12.233
2.5. Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ thấp nhất trong năm (VND)	14.176	11.442	10.273
2.9. Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (so với năm trước) (%)	39,07%	16,64%	13,40%
2.13. Chi phí hoạt động của Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân (%)	2,54%	2,69%	2,61%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	61,24%	70,05%	52,25%

3. Tăng trưởng qua các kỳ

Kỳ	Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ hàng năm
- 1 năm (31/12/2016 – 31/12/2017)	39,07%	39,07%
- 3 năm (31/12/2014 – 31/12/2017)	83,95%	22,50%
- Từ khi thành lập (25/03/2014 – 31/12/2017)	95,59%	19,46%
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu

4. Tăng trưởng hàng năm

Kỳ	31/12/2017 (%)	31/12/2016 (%)	31/12/2015 (%)	31/12/2014 %
Tỷ lệ tăng trưởng/ Chứng chỉ quỹ (%)	39,07	16,64	13,40	Không có dữ liệu

III. Mô tả thị trường

Tổng sản phẩm trong nước (“GDP”) năm 2017 đạt tăng trưởng ấn tượng ở mức 6,81% so với cùng kỳ năm trước, và vượt mục tiêu chính phủ đề ra là 6,7%. Tăng trưởng GDP năm 2017 đạt mức cao nhờ vào tăng trưởng tốt từ lĩnh vực chế biến chế tạo, ngành dịch vụ và sự phục hồi đáng kể của các khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Ngành chế biến chế tạo tăng trưởng 14,4% cao hơn cùng kỳ năm 2016. Trong đó, sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 25,1%. Ngành dịch vụ có mức tăng trưởng nhanh nhất trong 5 năm trở lại đây với mức tăng 7,44% đóng góp 2,87% vào tăng trưởng GDP năm 2017.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tiếp tục duy trì tốt đã thúc đẩy tăng trưởng của lĩnh vực chế biến chế tạo. Vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài trong năm 2017 đạt 21,3 tỷ USD, tăng 42,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2017 ước tính đạt 17,5 tỷ USD, tăng 10,8% so với năm 2016. Thương mại Việt Nam năm nay cũng đạt tăng trưởng tốt. Tính chung cả năm 2017, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 213,7 tỷ USD, tăng 21,1% so với năm trước, đây là mức tăng cao nhất trong nhiều năm qua, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 58,53 tỷ USD, tăng 16,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 155,2 tỷ USD, tăng 23%. Ngành hàng chủ lực tăng khá so với năm trước: điện thoại và linh kiện đạt 45,1 tỷ USD, tăng 31,4%; dệt may đạt 25,9 tỷ USD, tăng 8,8%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 25,9 tỷ USD, tăng 36,5%; giày dép đạt 14,6 tỷ USD, tăng 12,6%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 12,8 tỷ USD, tăng 26,4%; thủy sản đạt 8,4 tỷ USD, tăng 18,5%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 7,6 tỷ USD, tăng 9,2%. Tính chung năm 2017, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 211,1 tỷ USD, tăng 20,8% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 84,7 tỷ USD, tăng 17%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 126,4 tỷ USD, tăng 23,4%. Tính chung cả năm 2017 xuất siêu 2,7 tỷ USD.

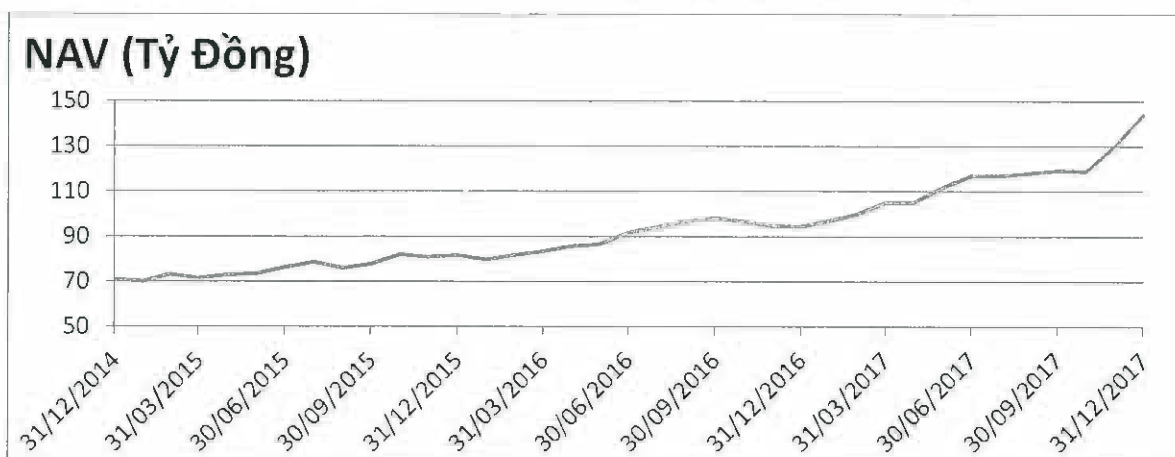
Lạm phát cũng ghi nhận ở mức thấp trong năm 2017, tính trung bình năm 2017 chỉ tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, dượt mức mục tiêu đề ra là 4%. Tỷ giá cũng được kiểm soát và duy trì ổn định trong suốt năm, tính bình quân năm 2017 chỉ tăng 1,4% so với năm 2016.

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

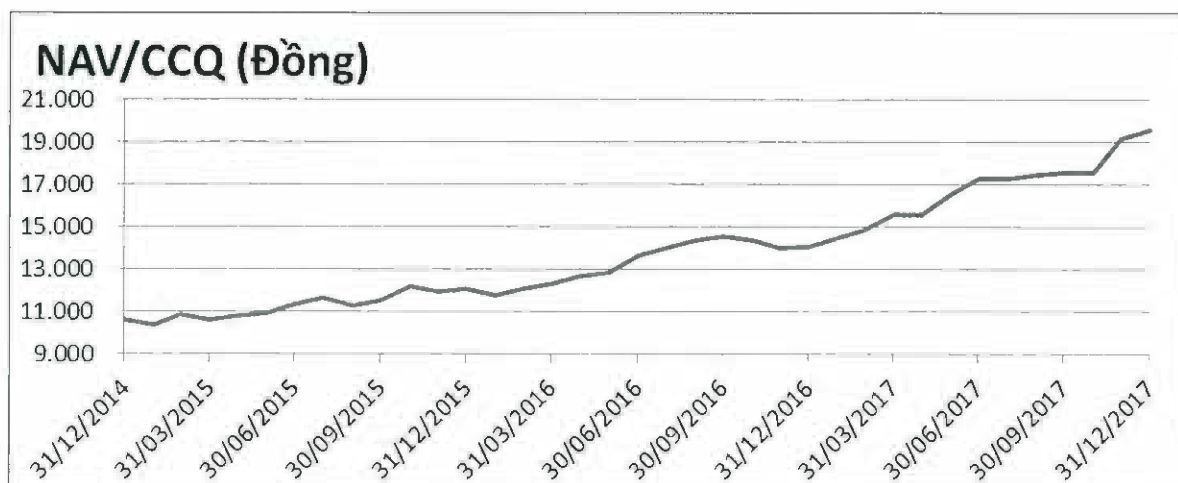
1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

- Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ trong 3 năm gần nhất

So với thời điểm thành lập quỹ, Giá trị tài sản ròng của quỹ và Giá trị tài sản ròng của quỹ trên một chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã tăng tương ứng 170,59% và 95,59%.



Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)



- Thay đổi Giá trị Tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND	Tỷ lệ thay đổi %
	[1]	[2]	$[3]=([1] - [2])/[2]$
Giá trị Tài sản ròng	143.963.332.047	94.324.897.681	52,62%
Giá trị Tài sản ròng/Chứng chỉ Quỹ	19.559	14.064	39,07%

2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày báo cáo

Quy mô nắm giữ (Số lượng chứng chỉ Quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	131	61.162,54	0,83%
Từ 5.000 đến dưới 10.000	8	54.671,23	0,74%
Từ 10.000 đến dưới 50.000	14	237.589,89	3,23%
Từ 50.000 đến dưới 500.000	2	224.728,75	3,05%
Từ 500.000 trở lên	3	6.782.495,08	92,15%
Tổng	158	7.360.647,49	100,00%

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Triển vọng tăng trưởng kinh tế trong năm 2018 được nhận định vẫn tiếp tục duy trì tích cực nhờ môi trường thuận lợi cả trong và ngoài nước. Tăng trưởng GDP được kỳ vọng tiếp tục duy trì ổn định trong khi đó lạm phát có thể sẽ tăng nhẹ so với năm 2017. Với nhận định về tăng trưởng GDP như trên và rủi ro vĩ mô được duy trì ở mức thấp, quan điểm tích cực về thị trường cổ phiếu vẫn tiếp tục được duy trì, dù chỉ số VNIndex đang tiến đến những cột mốc cao trong 10 năm trở lại đây. Tiến trình Cổ phần hóa và tăng trưởng quy mô thị trường Cổ phiếu sẽ thu hút nhiều dòng vốn ngoại vào thị trường. Thị trường Cổ phiếu trong năm 2018 được kì vọng sẽ tiếp tục mang lại giá trị đầu tư.

VI. Thông tin khác

1. Thông tin về nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Năm tham gia Công ty quản lý Quỹ/Quỹ
Đình Bá Thành	Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ	Cử nhân Kiến trúc	2014
Lê Văn Bé	Thành viên Ban Đại Diện Quỹ	Cử nhân Kinh tế	2014
Dặng Thế Đức	Thành viên Ban Đại Diện Quỹ	Cử nhân Luật	2014
Nguyen Tuan Thên An	Tổng Giám đốc	Thạc sĩ Quản trị Công nghệ	2010
Ngô Thế Triệu	Trưởng Bộ phận, Đầu tư Cổ phiếu và Trái phiếu	Thành viên Hiệp hội CFA Thạc sĩ Quản trị Dự án Quốc tế Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	2007
Lê Nguyên Bình	Trưởng Bộ phận, Quản trị Quỹ	Cử nhân Kinh tế, Kế toán - Kiểm toán	2005
Phan Thị Anh Minh	Trưởng Bộ phận, Marketing và Quan hệ Đối ngoại	Cử nhân Kinh tế, Quản trị Kinh doanh Cử nhân Ngoại ngữ, tiếng Pháp	2005
Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Trưởng Bộ phận, Thực hiện Giao dịch Đầu tư	Thạc sĩ Tài chính Ứng dụng Cử nhân kinh tế, Quản trị Kinh doanh	2007
Tổng Công Cường	Trưởng Bộ phận Pháp chế và Kiểm soát Nội bộ	Thạc sĩ Luật Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh	2012

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Năm tham gia Công ty quản lý Quỹ/Quỹ
Lê Minh Thủy	Trưởng bộ phận Tài chính và Quản trị Rủi ro	Cử nhân Kinh tế, Ngân hàng Tài chính Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh quốc (ACCA)	2013
Trần Trọng Phương Thảo	Trưởng Bộ phận Nhân sự và Hành chính	Cử nhân Khoa học, Quản trị Kinh doanh Cử nhân Ngoại ngữ, Ngữ văn Anh	2005

2. Thông tin khác

Các số liệu trình bày tại báo cáo này được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Trong báo cáo này, các chỉ tiêu không trình bày được hiểu là không áp dụng hoặc số dư bằng không.

Thay mặt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments


Ông Nguyễn Tuấn Thân An
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi, Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) cho năm báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”) đã tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan;
- b) Việc định giá, đánh giá Giá trị Tài sản ròng của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan;
- c) Việc phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan;
- d) Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho năm báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017; và
- e) Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ các quy định về hạn chế vay, hạn chế giao dịch được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Lê Thị Thành Tâm

Giám Đốc Bộ Phận Hoạt Động Nghiệp Vụ Chứng Khoán

Lê Thị Hoàng Châu

Nhân Viên Giám Sát

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Tôi, Đinh Bá Thành, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 183”) về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Đinh Bá Thành 
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 14 đến trang 58.

Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 183”) về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan tới việc lập và trình bày các báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



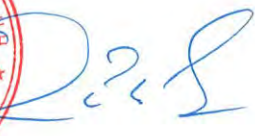
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 183") về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-315




Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B01 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

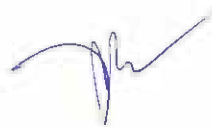
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
I	THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		40.238.574.022	15.894.368.151
1.1	Cổ tức được chia	02		2.062.025.600	2.434.852.000
1.2	Tiền lãi được nhận	03		2.156.551.812	1.604.067.851
1.3	Lãi bán các khoản đầu tư	04	12	13.299.358.965	12.787.157.353
1.4	Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	13	22.720.637.645	(931.709.053)
II	CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		172.452.231	171.610.022
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	14	172.452.231	171.610.022
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20		2.724.079.866	2.247.542.901
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	18	1.705.894.068	1.347.890.402
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	18	109.487.795	98.884.474
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	18	25.019.781	19.769.155
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	18	43.784.617	34.595.114
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5	18	184.308.627	156.107.119
3.7	Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	20.7		83.996.000	10.186.015
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		386.715.978	386.705.022
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	15	184.873.000	193.405.600
IV	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 - 10 - 20)	23		37.342.041.925	13.475.215.228
VI	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)	30		37.342.041.925	13.475.215.228
6.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		14.621.404.280	14.406.924.281
6.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	32		22.720.637.645	(931.709.053)
VIII	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TRONG NĂM (41 = 30)	41		37.342.041.925	13.475.215.228

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:

Người duyệt:




Bà Lê Thị Thúy Phượng
 Trưởng phòng Bộ phận Giao dịch Quản lý Quỹ

Ông Nguyễn Tuan Thên An
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B02 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
I	TÀI SẢN				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	110	4	14.983.240.624	2.868.370.684
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		10.878.675.402	2.868.370.684
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	112		4.104.565.222	-
2	Các khoản đầu tư	120		128.239.912.900	90.630.347.000
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	128.239.912.900	90.630.347.000
3	Các khoản phải thu	130		1.550.539.064	1.453.274.836
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	6	375.902.735	-
3.2	Tiền lãi và cổ tức phải thu	133	7	1.174.636.329	1.453.274.836
	TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)	100		144.773.692.588	94.951.992.520
II	NỢ PHẢI TRẢ				
3	Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	313		34.343.000	487.767
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		7.479	817.772
6	Chi phí phải trả	316	8	440.666.812	364.275.024
8	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	318		124.144.876	116.674.492
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	9	211.198.374	144.839.784
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 313+ 314 + 316 + 318 + 319)	300		810.360.541	627.094.839

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B02 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
III	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)	400		143.963.332.047	94.324.897.681
1	Vốn góp của Nhà đầu tư	411	10	73.606.474.900	67.066.169.400
1.1	Vốn góp phát hành	412		92.122.874.800	85.229.806.400
1.2	Vốn góp mua lại	413		(18.516.399.900)	(18.163.637.000)
2	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414	10	5.735.183.846	(20.903.095)
3	Lợi nhuận chưa phân phối	420	11	64.621.673.301	27.279.631.376
IV	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MÔ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (430 = 400/004)	430		19.559	14.064
VI	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			31/12/2017 CCQ	31/12/2016 CCQ
1	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	17	7.360.647,49	6.706.616,94

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:

Người duyệt:



Bà Lê Thị Thúy Phương
 Quản lý Bộ phận Quản trị Quỹ



Ông Nguyễn Tuan Thên An
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B03 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	2017 VND	2016 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu năm	94.324.897.681	81.778.304.889
II	Thay đổi NAV của Quỹ trong năm	37.342.041.925	13.475.215.228
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	37.342.041.925	13.475.215.228
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	12.296.392.441	(928.622.436)
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	12.898.512.500	1.152.763.093
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(602.120.059)	(2.081.385.529)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm (IV = I + II + III)	143.963.332.047	94.324.897.681

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:

Người duyệt:



Bà Lê Thị Thúy Phương
 Quản lý Bộ phận Quản trị Quỹ



Ông Nguyễn Tuan Thân An
 Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B04- QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2017 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2017 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	Mã cổ phiếu niêm yết			103.486.512.900	71,48%
	ACB	259.650	36.900	9.581.085.000	6,62%
	CII	53.760	35.100	1.886.976.000	1,30%
	CTD	19.780	226.500	4.480.170.000	3,09%
	DRC	240.200	24.200	5.812.840.000	4,02%
	EIB	35.000	12.650	442.750.000	0,31%
	FPT	337.769	57.100	19.286.609.900	13,32%
	HCM	42.000	60.100	2.524.200.000	1,74%
	HPG	173.600	46.850	8.133.160.000	5,62%
	ITC	394.450	14.200	5.601.190.000	3,87%
	MBB	433.472	25.400	11.010.188.800	7,61%
	NT2	133.604	33.500	4.475.734.000	3,09%
	PC1	157.152	38.600	6.066.067.200	4,19%
	PNJ	29.290	137.000	4.012.730.000	2,77%
	REE	166.000	41.500	6.889.000.000	4,76%
	SSI	46.280	28.800	1.332.864.000	0,92%
	TYA	223.389	11.000	2.457.279.000	1,70%
	VCB	35.270	54.300	1.915.161.000	1,32%
	VJC	30.310	146.800	4.449.508.000	3,07%
	VNM	15.000	208.600	3.129.000.000	2,16%

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B04 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)


STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2017 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
IV	Đầu tư khác	24.753.400.000	17,10%
	Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu	16.500.000.000	11,40%
	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu	4.000.000.000	2,76%
	Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.253.400.000	2,94%
V	Các tài sản khác	1.550.539.064	1,07%
	Phải thu về bán các khoản đầu tư	375.902.735	0,26%
	Tiền lãi và cổ tức phải thu	1.174.636.329	0,81%
VI	Tiền gửi ngân hàng	14.983.240.624	10,35%
	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	10.878.673.402	7,51%
	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	4.104.565.222	2,84%
VII	Tổng giá trị danh mục	144.773.692.588	100%

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:

Người duyệt:



Bà Lê Thị Thúy Phương
 Quản lý Bộ phận Quản trị Quỹ



Ông Nguyễn Tuan Thân An
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B04 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	2017 VND	2016 VND
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	37.342.041.925	13.475.215.228
3	Điều chỉnh cho các thay đổi của vốn lưu động	05		
	Tăng các khoản đầu tư	06a	(37.609.565.900)	(18.329.119.800)
	Tăng phải thu từ bán các khoản đầu tư	06b	(375.902.735)	-
	Giảm/(tăng) tiền lãi và cổ tức phải thu	07	278.638.507	(264.335.401)
	Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	11	33.855.233	(140.233)
	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	(810.293)	804.377
	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	15	7.470.384	116.674.492
	Tăng chi phí phải trả	16	76.391.788	154.209.994
	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	17	66.358.590	23.588.519
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	20	(181.522.501)	(4.823.102.824)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	31	12.898.512.500	1.152.763.093
2	Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	32	(602.120.059)	(2.081.385.529)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30	12.296.392.441	(928.622.436)
III	TIỀN THUẦN TRONG NĂM (40 = 20 + 30)	40	12.114.869.940	(5.751.725.260)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Mã số	2017 VND	2016 VND
IV	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	50	2.868.370.684	8.620.095.944
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	51	2.868.370.684	562.718.055
	- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	52	-	8.057.377.889
V	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	55	14.983.240.624	2.868.370.684
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	57	10.878.675.402	2.868.370.684
	- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	57	4.104.565.222	-
VI	Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm (60 = 55 - 50)	60	12.114.869.940	(5.751.725.260)

GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Mua lại chứng chỉ quỹ nhưng chưa thanh toán	-	116.674.492

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:

Người duyệt:


 Bà Lê Thị Thủy Phương
 Quản lý Bộ phận Quản trị Quỹ



 Ông Nguyễn Tuấn Thân An
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 09/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014.

Theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành lập Quỹ, tổng số vốn Điều Lệ của Quỹ là 53.203.406.730 Đồng Việt Nam, tương đương với 5.320.340,67 chứng chỉ Quỹ và không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Quỹ ban hành vào ngày 26 tháng 9 năm 2013 và sửa đổi bổ sung vào ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Mục tiêu chính của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản. Chiến lược đầu tư tài sản của Quỹ sẽ được phân bổ một cách linh hoạt nhằm tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- a. Trừ tiền gửi thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b. Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu và trái phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành nếu các tài sản này được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- c. Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu cơ quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết và trái phiếu chuyển đổi;
- d. Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó (trừ trái phiếu Chính phủ);

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- e. Quỹ không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f. Tổng giá trị các danh mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h. Quỹ không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- i. Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý và kim loại quý hiếm; và
- j. Danh mục đầu tư của Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch chỉ do các nguyên nhân như sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c. Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thấu tón các tổ chức phát hành;
- e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ; hoặc
- f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Quỹ được định giá hàng tuần và hàng tháng. Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần đối với kỳ định giá tuần và ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo đối với kỳ định giá tháng. Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá cho các kỳ giao dịch hoặc cho các kỳ báo cáo theo quy định của pháp luật hoặc cho các mục đích khác. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày lễ thì việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ không được thực hiện trong kỳ định giá đó. Quỹ thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ một (01) tuần một lần vào ngày thứ Sáu hàng tuần. Trong trường hợp ngày giao dịch là ngày lễ thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch trong tuần đó.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam. Quỹ được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là tầng 23, tòa nhà Sai Gon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 183”) về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán quỹ mở, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- | | |
|---|------------------|
| • Báo cáo thu nhập: | Mẫu B01 - QM; |
| • Báo cáo tình hình tài chính: | Mẫu B02 - QM; |
| • Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ: | Mẫu B03 - QM; |
| • Báo cáo danh mục đầu tư: | Mẫu B04 - QM; |
| • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: | Mẫu B05 - QM; và |
| • Các thuyết minh báo cáo tài chính: | Mẫu B06 - QM. |

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(c) được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

(b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, và không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo phương pháp xác định giá trị nếu tại mục 3(e)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng mà Quỹ dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư tại ngày giao dịch.

(iii) Xác định giá trị

Theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại điều lệ Quỹ hoặc chính sách định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Trái phiếu

• Trái phiếu niêm yết

- Giá trị thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế, giá yết này phải là giá giao dịch chính thức (giá outright) tại Sở Giao dịch Chứng Khoán;
- Do thị trường trái phiếu Việt Nam chưa hoàn thiện, tần suất giao dịch thấp, thanh khoản chưa cao và thông tin giá cả không được cập nhật thường xuyên hoặc chênh lệch lớn theo thời gian hoặc giữa các bên tham gia thị trường. Do đó, vì bất kỳ lý do nào, trái phiếu niêm yết không có giá giao dịch chính thức (giá outright) tại Sở Giao dịch Chứng Khoán nhiều hơn mười bốn (14) ngày tính đến ngày định giá, giá trái phiếu niêm yết là giá chào mua (bid-price basis) được định giá và được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường như: Interactive Data Corporation, Markit, Reuters hoặc Bloomberg.
- Interactive Data Corporation sẽ là tổ chức ưu tiên số một trong việc cung cấp dịch vụ định giá trái phiếu niêm yết. Nếu Interactive Data Corporation không thể cung cấp giá của trái phiếu niêm yết, việc sử dụng định giá của các tổ chức khác theo thứ tự ưu tiên như sau: Markit, Reuters hoặc Bloomberg hoặc các phương pháp định giá khác được đề cập dưới đây, sẽ được cân nhắc và áp dụng, tuy nhiên với điều kiện giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) được sử dụng đã vượt quá thời gian chín mươi (90) ngày và có sự chấp thuận của Ban định giá nội bộ về việc thay đổi này.
- Trong trường hợp không có báo giá trị trường thì giá trị của trái phiếu niêm yết mới được mua sẽ là giá mua và giá này sẽ được sử dụng cho tới khi có giá giao dịch chính thức (giá outright) hoặc giá chào mua được định giá bởi tổ chức cung cấp báo giá ưu tiên số 1. Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ. Trong khi đó, giá trị của trái phiếu niêm yết khác được xác định theo các thứ tự ưu tiên sau:
 - Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) được sử dụng cho tới khi có giá giao dịch chính thức (giá outright) hoặc giá chào mua được định giá bởi tổ chức cung cấp báo giá ưu tiên số 1. Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ;
 - Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi Ban Định giá nội bộ hoặc Ban Đại diện Quỹ;

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
 - Giá mua cộng lãi lũy kế.
- Trái phiếu không niêm yết bao gồm các trái phiếu không giao dịch thông qua sàn giao dịch hoặc giao dịch không thường xuyên như: trái phiếu có lãi suất cao, trái phiếu tổ chức không giao dịch thường xuyên, nợ tư.
 - Giá trị thị trường là giá chào mua (bid-price basis) được định giá gần nhất và được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá uy tín trên thị trường như Interactive Data Corporation, Markit, Reuters hoặc Bloomberg.
 - Interactive Data Corporation sẽ là tổ chức ưu tiên số một trong việc cung cấp dịch vụ định giá trái phiếu không niêm yết. Nếu Interactive Data Corporation không thể cung cấp giá của trái phiếu không niêm yết, việc sử dụng định giá của các tổ chức khác theo thứ tự ưu tiên như sau: Markit, Reuters hoặc Bloomberg hoặc các phương pháp định giá khác được đề cập tại điều dưới đây, sẽ được cân nhắc và áp dụng, tuy nhiên với điều kiện giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) được sử dụng đã vượt quá thời gian chín mươi (90) ngày và có sự chấp thuận của Ban định giá nội bộ về việc thay đổi này.
 - Trong trường hợp không có báo giá trị trường thì giá trị của trái phiếu không niêm yết mới được mua sẽ là giá mua và giá này sẽ được sử dụng cho tới khi có giá giao dịch chính thức (giá outright) hoặc giá chào mua được định giá bởi tổ chức cung cấp báo giá ưu tiên số 1. Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ. Trong khi đó, giá trị của trái phiếu không niêm yết khác được xác định theo các thứ tự ưu tiên sau:
 - Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) được sử dụng cho tới khi có giá giao dịch chính thức (giá outright) hoặc giá chào mua được định giá bởi tổ chức cung cấp báo giá ưu tiên số 1. Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ;
 - Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi Ban Định giá nội bộ hoặc Ban Đại diện Quỹ;
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
 - Giá mua cộng lãi lũy kế.

Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết bao gồm cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom.
 - Giá trị thị trường sẽ được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
 - Trong trường hợp không có báo giá trị trường, giá của cổ phiếu niêm yết được xác định theo các thứ tự ưu tiên như sau:
 - Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ). Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ;
 - Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi Ban Định giá nội bộ hoặc Ban Đại diện Quỹ;
 - Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - Giá mua.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch; cổ phiếu chưa niêm yết.
 - Công ty Quản lý Quỹ được quyền chỉ định năm (05) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát để cung cấp giá cho mỗi lần định giá.
 - Danh sách công ty chứng khoán được chỉ định, tuy nhiên Công ty Quản lý Quỹ có quyền thay đổi chỉ định theo từng thời điểm và việc thay đổi danh sách chỉ định này phải được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, bao gồm như sau:
 - Danh sách ưu tiên số 1: bao gồm ba (03) công ty chứng khoán.
 - Danh sách ưu tiên số 2: bao gồm hai (02) công ty chứng khoán.
 - Giá trị thị trường được xác định dựa trên giá trung bình cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán và phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Giá được báo là giá giao dịch tại các công ty chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - Giá được báo là giá chào mua tại ngày gần nhất trước ngày định giá nếu các cổ phiếu chưa niêm yết không có giá giao dịch; và
 - Giá được báo không được cũ hơn chín mươi (90) ngày tính tới ngày ngày định giá.
 - Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ nhận báo giá từ tất cả các công ty chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ ưu tiên sử dụng báo giá của ba (03) công ty chứng khoán trong danh sách ưu tiên số 1.
 - Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ nhận được báo giá từ hai (02) công ty nằm trong danh sách ưu tiên số 1 hoặc ít hơn, thì báo giá thứ ba được Công ty Quản lý Quỹ sử dụng là báo giá thấp hơn giữa báo giá của các công ty chứng khoán khác trong danh sách ưu tiên số 2.
 - Trong trường hợp khác khi Công ty Quản lý Quỹ không có đủ báo giá hợp lệ của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán trong một ngày định giá nào đó cho một cổ phiếu chưa niêm yết nhất định, thì cổ phiếu này được định giá bằng bất kỳ phương pháp định giá phù hợp khác được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt dựa trên đề xuất của Ban Định giá nội bộ.
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản.

Giá trị thị trường được xác định theo các thứ tự ưu tiên như sau:

 - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ và Ban Định giá nội bộ chấp thuận.
- Cổ phần và phần góp vốn khác.

Giá trị của các cổ phần và phần góp vốn khác được xác định như sau:

 - Giá trị vốn góp; hoặc
 - Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ hoặc Ban Định giá nội bộ chấp thuận.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Chứng khoán phái sinh

Giá trị thị trường của chứng khoán phái sinh niêm yết được xác định bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không thể lấy được giá giao dịch hợp lý trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán vào ngày định giá, giá chứng khoán phái sinh niêm yết sẽ được định giá và cung cấp bởi các công ty dịch vụ cung cấp giá độc lập, uy tín trên thị trường như Interactive Data Corporation (nguồn ưu tiên) hoặc Markit, hoặc Reuters hoặc Bloomberg.

Trong trường hợp không có báo giá thị trường, giá của chứng khoán phái sinh niêm yết sẽ được xác định theo phương pháp được Ban đại diện Quỹ hoặc Ban định giá nội bộ chấp thuận.

Các tài sản khác được phép đầu tư

Giá xác định theo phương pháp định giá quy định trong sổ tay định giá và được Ban Đại diện Quỹ và Ban Định giá nội bộ phê duyệt.

(iv) Chăm sóc ghi nhận

Các khoản đầu tư được chăm sóc ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chăm sóc hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân giá quyền.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức và tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho Nhà đầu tư, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Quý Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(g) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quý và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty Quản lý Quỹ phân loại các công cụ tài chính của Quý như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(b) **Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo các quy định thuế hiện hành.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty Quản lý Quỹ sẽ không giữ lại khoản thuế này và đối tượng này phải có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành.

(i) *Vốn góp và thặng dư vốn*

Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ quỹ của Quỹ.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của Quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

(j) *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Lợi nhuận chưa thực hiện là tổng giá trị lãi đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư trong năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

(k) Chứng chỉ Quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ vào các ngày giao dịch để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư đang nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chỉ thực tế từ việc phát hành/mua lại chứng chỉ quỹ dựa trên tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Quỹ chỉ được sử dụng phần lợi nhuận đã thực hiện lũy kế của năm trước trừ đi lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lợi nhuận để phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

(l) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

(i) Thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Lưu ký (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(m) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh.

(n) Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ Quỹ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia Giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(o) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận tại Việt Nam.

(p) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán.

(q) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi bằng Đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại các ngân hàng sau đây:

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	10.878.675.402	2.868.370.684
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.104.565.222	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>14.983.240.624</u>	<u>2.868.370.684</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng hưởng lãi suất năm là 4,9% (31/12/2016: Không). Trong trường hợp Quỹ rút trước ngày đáo hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất theo chính sách của ngân hàng áp dụng cho trường hợp rút trước ngày đáo hạn.

Quý Đầu tư Năng động Fastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mã số B06 – QM
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được đầu tư thể hiện trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quý không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quý đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày ở thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016 được trình bày như sau:

	Giá mua VND [1]	Giá trị trường VND [2]	Chênh lệch tăng do đánh giá trong năm VND [3]	Giá trị đánh giá lại VND [4] = [1] + [3]
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Cổ phiếu niêm yết	74.747.125.948	103.486.512.900	28.739.386.952	103.486.512.900
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu có kỳ hạn:				
- trên 12 tháng	16.500.000.000	16.500.000.000	-	16.500.000.000
- dưới 12 tháng	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh				
Vượng có kỳ hạn:				
- dưới 12 tháng	4.253.400.000	4.253.400.000	-	4.253.400.000
	99.500.525.948	128.239.912.900	28.739.386.952	128.239.912.900

Quý Bảo tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Giá mua VND (1)	Giá thị trường VND (2)	Chênh lệch tăng do đánh giá trong năm VND (3)	Giá trị đánh giá lại VND (4) = (1) + (3)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Cổ phiếu niêm yết	57.092.150.049	60.838.908.800	3.746.758.751	60.838.908.800
Trái phiếu niêm yết	27.519.447.644	29.791.438.200	2.271.990.556	29.791.438.200
	84.611.597.693	90.630.347.000	6.018.749.307	90.630.347.000



Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu về bán các khoản đầu tư

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Phải thu về bán cổ phiếu niêm yết	375.902.735	-

Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ bán cổ phiếu niêm yết được nhận sau hai ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. Tiền lãi và cổ tức phải thu

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	45.932.000	197.551.000
Dự thu trái tức chưa đến ngày nhận	-	1.255.723.836
Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.128.704.329	-
	<u>1.174.636.329</u>	<u>1.453.274.836</u>

8. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Phí kiểm toán	319.275.000	319.275.022
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	45.000.002	45.000.002
Phí hợp đại hội	76.391.810	-
	<u>440.666.812</u>	<u>364.275.024</u>

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	177.079.370	118.161.722
Phải trả phí lưu ký tài sản Quỹ	9.333.175	7.126.462
Phải trả phí quản trị Quỹ	4.545.039	3.032.753
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	17.643.626	14.785.798
Phải trả phí giám sát	2.597.164	1.733.049
	<hr/>	<hr/>
	211.198.374	144.839.784
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

10. Vốn góp của Nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 09/GCN-UBCK ngày 25 tháng 3 năm 2014, vốn điều lệ của Quỹ là 53.203.406.730 VND tương ứng với 5.320.340,67 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một chứng chỉ Quỹ. Do Quỹ hoạt động theo hình thức Quỹ mở nên vốn góp của Quỹ và số lượng chứng chỉ quỹ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016 như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2016 VND	Biến động trong năm VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	8.522.980,64	689.306,84	9.212.287,48
NAV bình quân (2) = (5) / (1)	VND	10,061	18,712	10,708
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	85.229.806.400	6.893.068.400	92.122.874.800
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	516.672.069	6.005.444.100	6.522.116.169
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ Quỹ (5) = (3) + (4)	VND	85.746.478.469	12.898.512.500	98.644.990.969
Vốn góp mua lại				
Số lượng (6)	CCQ	(1.816.363,70)	(35.276,29)	(1.851.639,99)
NAV bình quân (7) = (10) / (6)	VND	10,296	17,069	10,425
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	(18.163.637.000)	(352.762.900)	(18.516.399.900)
Thặng dư vốn góp mua lại (9)	VND	(537.575.164)	(249.357.159)	(786.932.323)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ Quỹ (10) = (8) + (9)	VND	(18.701.212.164)	(602.120.059)	(19.303.332.223)
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (11) = (1) + (6)				
	CCQ	6.706.616,94	654.030,55	7.360.647,49
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) + (10)				
	VND	67.045.266.305	12.296.392.441	79.341.658.746
NAV hiện hành/l chứng chỉ Quỹ (13)				
	VND	14,064		19,559

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2015 VND	Biến động trong năm VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	8.439.702,90	83.277,74	8.522.980,64
NAV bình quân (2) = (5) / (1)	VND	10.023	13.842	10.061
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	84.397.029.000	832.777.400	85.229.806.400
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	196.686.376	319.985.693	516.672.069
Tổng giá trị phát hành chứng chí Quỹ (5) = (3) + (4)	VND	84.593.715.376	1.152.763.093	85.746.478.469
Vốn góp mua lại				
Số lượng (6)	CCQ	(1.657.463,63)	(158.900,07)	(1.816.363,70)
NAV bình quân (7) = (10) / (6)	VND	10.027	13.099	10.296
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	(16.574.636.300)	(1.589.000.700)	(18.163.637.000)
Thặng dư vốn góp mua lại (9)	VND	(45.190.335)	(492.384.829)	(537.575.164)
Tổng giá trị mua lại chứng chí Quỹ (10) = (8) + (9)	VND	(16.619.826.635)	(2.081.385.529)	(18.701.212.164)
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (11) = (1) + (6)				
	CCQ	6.782.239,27	(75.622,33)	6.706.616,94
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) + (10)				
	VND	67.973.888.741	(928.622.436)	67.045.266.305
NAV hiện hành/l chứng chí Quỹ (13)				
	VND	12.058		14.064

11. Lợi nhuận chưa phân phối

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	27.279.631.376	13.804.416.148
Lợi nhuận sau thuế trong năm	37.342.041.925	13.475.215.228
<i>Trong đó</i>		
• Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	14.621.404.280	14.406.924.281
• Lợi nhuận/lỗ chưa thực hiện	22.720.637.645	(931.709.053)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	64.621.673.301	27.279.631.376

Quý Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

12. Lãi bán các khoản đầu tư

2017

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND (1)	Giá vốn VND (2)	Lãi bán chứng khoán cho năm kết thúc ngày 31/12/2017 VND (3) = (1) - (2)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán đầu năm VND (4)	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2017 VND (5) = (3) + (4)
Cổ phiếu niêm yết	50.699.738.210	40.520.901.601	10.178.836.609	16.220.837.549	26.399.674.158
Trái phiếu niêm yết	30.639.970.000	27.519.447.644	3.120.522.356	(370.982.973)	2.749.539.383
	81.339.708.210	68.040.349.245	13.299.358.965	15.849.854.576	29.149.213.541

2016

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND (1)	Giá vốn VND (2)	Lãi bán chứng khoán cho năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND (3) = (1) - (2)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán đầu năm VND (4)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2016 VND (5) = (3) + (4)
Cổ phiếu niêm yết	59.810.009.000	47.022.851.647	12.787.157.353	3.433.680.196	16.220.837.549
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	(370.982.973)	(370.982.973)
	59.810.009.000	47.022.851.647	12.787.157.353	3.062.697.223	15.849.854.576

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

13. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư

Danh mục các khoản đầu tư	2017		2016	
	Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 31/12/2017 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2017 VND [3] = [2] - [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận cho năm 2017 VND [5] = [3] - [4]
Cổ phiếu niêm yết	74.747.125.948	103.486.512.900	28.739.386.952	24.992.628.201
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	(2.271.990.556)
	74.747.125.948	103.486.512.900	28.739.386.952	22.720.637.645
Danh mục các khoản đầu tư		Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 31/12/2016 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận cho năm 2016 VND [5] = [3] - [4]
Cổ phiếu niêm yết	57.092.150.049	60.838.908.800	3.746.758.751	(1.841.397.053)
Trái phiếu niêm yết	27.519.447.644	29.791.438.200	2.271.990.556	909.688.000
	84.611.597.693	90.630.347.000	6.018.749.307	(931.709.053)

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

	2017 VND	2016 VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư (a)	89.104.779	79.216.110
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư (b)	83.347.452	92.393.912
	<hr/>	<hr/>
	172.452.231	171.610.022

(a) Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư

	2017 VND	2016 VND
Chi phí giao dịch mua cổ phiếu niêm yết	89.104.779	79.216.110
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư

	2017 VND	2016 VND
Chi phí giao dịch bán cổ phiếu niêm yết	76.890.485	92.393.912
Chi phí giao dịch bán trái phiếu niêm yết	6.456.967	-
	<hr/>	<hr/>
	83.347.452	92.393.912

15. Chi phí hoạt động khác

	2017 VND	2016 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 18)	180.000.000	180.000.000
Phí ngân hàng	4.873.000	3.405.600
Khác	-	10.000.000
	<hr/>	<hr/>
	184.873.000	193.405.600

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC

ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

16. Giá trị tài sản ròng

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2017		Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
			Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
1	5/1/2017	95.509.616.057	6.706.616,94	14.241	-
2	12/1/2017	95.483.687.465	6.709.417,30	14.231	(10)
3	19/1/2017	95.114.224.284	6.709.417,30	14.176	(55)
4	31/1/2017	97.148.245.371	6.709.417,30	14.479	303
5	2/2/2017	97.645.793.829	6.709.417,30	14.554	75
6	9/2/2017	98.081.212.487	6.709.417,30	14.618	64
7	16/2/2017	98.996.786.352	6.723.058,01	14.725	107
8	23/2/2017	100.414.262.771	6.723.058,01	14.936	211
9	28/2/2017	99.993.846.413	6.723.058,01	14.873	(63)
10	2/3/2017	99.814.122.349	6.723.058,01	14.847	(26)
11	9/3/2017	101.962.033.936	6.723.744,06	15.164	317
12	16/3/2017	102.943.696.473	6.723.875,55	15.310	146
13	23/3/2017	104.200.435.057	6.723.715,39	15.497	187
14	30/3/2017	104.912.975.024	6.737.226,69	15.572	75
15	31/3/2017	104.873.959.274	6.736.427,94	15.568	(4)
16	6/4/2017	104.792.611.288	6.736.427,94	15.556	(12)
17	13/4/2017	104.104.912.425	6.737.942,61	15.451	(105)
18	20/4/2017	103.109.754.269	6.737.942,61	15.303	(148)
19	27/4/2017	104.481.425.298	6.737.942,61	15.506	203
20	30/4/2017	105.045.668.560	6.740.134,92	15.585	79
21	4/5/2017	106.525.804.145	6.740.134,92	15.805	220
22	11/5/2017	108.145.598.728	6.740.134,92	16.045	240
23	18/5/2017	108.765.271.479	6.741.248,76	16.134	89
24	25/5/2017	112.483.381.653	6.741.248,76	16.686	552
25	31/5/2017	111.767.665.962	6.743.581,27	16.574	(112)
26	1/6/2017	112.231.252.450	6.743.581,27	16.643	69
27	8/6/2017	113.733.854.563	6.741.378,42	16.871	228
28	15/6/2017	114.635.854.211	6.741.378,42	17.005	134
29	22/6/2017	116.917.971.976	6.764.947,59	17.283	278
30	29/6/2017	116.877.854.061	6.764.947,59	17.277	(6)
31	30/6/2017	117.008.700.019	6.764.802,34	17.297	20
32	6/7/2017	117.471.442.936	6.764.802,34	17.365	68
33	13/7/2017	117.069.655.235	6.764.802,34	17.306	(59)
34	20/7/2017	114.467.788.466	6.766.218,03	16.918	(388)
35	27/7/2017	115.903.407.514	6.767.194,06	17.127	209
36	31/7/2017	116.979.671.392	6.767.194,06	17.286	159
37	3/8/2017	118.096.719.562	6.767.194,06	17.451	165
38	10/8/2017	117.335.499.383	6.767.251,19	17.339	(112)
39	17/8/2017	116.279.521.701	6.764.126,21	17.191	(148)
40	24/8/2017	117.075.314.528	6.764.416,18	17.308	117

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2017		Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
			Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
41	31/8/2017	118.048.273.916	6.764.416,18	17.451	143
42	7/9/2017	117.588.508.488	6.766.701,43	17.378	(73)
43	14/9/2017	118.082.336.335	6.766.758,80	17.450	72
44	21/9/2017	118.774.016.573	6.766.758,80	17.553	103
45	28/9/2017	118.589.077.474	6.767.326,79	17.524	(29)
46	30/9/2017	119.129.989.876	6.768.464,65	17.601	77
47	5/10/2017	118.761.379.246	6.768.464,65	17.546	(55)
48	12/10/2017	120.134.318.420	6.758.467,21	17.775	229
49	19/10/2017	119.927.573.050	6.759.140,29	17.743	(32)
50	26/10/2017	118.453.666.120	6.761.378,35	17.519	(224)
51	31/10/2017	119.048.287.436	6.764.734,70	17.598	79
52	2/11/2017	117.949.125.787	6.764.734,70	17.436	(162)
53	9/11/2017	120.888.850.384	6.764.734,70	17.870	434
54	16/11/2017	124.404.846.947	6.765.292,61	18.389	519
55	23/11/2017	126.735.121.916	6.781.286,68	18.689	300
56	30/11/2017	130.114.682.219	6.784.633,30	19.178	489
57	5/12/2017	129.808.542.072	6.784.633,30	19.133	(45)
58	7/12/2017	130.193.975.536	6.813.943,68	19.107	(26)
59	14/12/2017	138.731.200.516	7.341.012,12	18.898	(209)
60	21/12/2017	141.499.657.868	7.346.815,37	19.260	362
61	28/12/2017	143.252.974.702	7.359.239,04	19.466	206
62	31/12/2017	143.963.332.047	7.360.647,49	19.559	93
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm		113.910.987.675			
Mức cao nhất của NAV/ICCQ trong năm				19.559	
Mức thấp nhất của NAV/ICCQ trong năm				14.176	

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2016		Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
			Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
1	7/1/2016	80.395.111.863	6.782.239,27	11.854	-
2	14/1/2016	79.802.244.293	6.782.485,46	11.766	(88)
3	21/1/2016	77.606.716.553	6.782.485,46	11.442	(324)
4	28/1/2016	79.239.763.020	6.782.485,46	11.683	241
5	31/1/2016	79.704.926.475	6.772.488,02	11.769	86
6	4/2/2016	79.376.560.187	6.772.488,02	11.720	(49)
7	18/2/2016	80.753.098.723	6.772.488,02	11.924	204
8	25/2/2016	81.037.159.811	6.772.488,02	11.966	42
9	29/2/2016	81.675.912.456	6.770.988,02	12.063	97
10	3/3/2016	83.358.189.608	6.770.988,02	12.311	248
11	10/3/2016	83.883.857.120	6.771.149,98	12.388	77
12	17/3/2016	83.910.696.127	6.769.879,23	12.395	7
13	24/3/2016	84.220.698.211	6.764.960,32	12.450	55
14	31/3/2016	83.497.694.318	6.765.678,88	12.341	(109)
15	7/4/2016	84.493.028.510	6.759.242,95	12.500	159
16	14/4/2016	85.366.184.842	6.759.242,95	12.630	130
17	21/4/2016	84.373.528.525	6.754.578,00	12.491	(139)
18	28/4/2016	85.020.413.492	6.754.578,00	12.587	96
19	30/4/2016	85.530.021.992	6.754.578,00	12.663	76
20	5/5/2016	85.693.535.968	6.754.578,00	12.687	24
21	12/5/2016	86.442.105.681	6.762.381,26	12.783	96
22	19/5/2016	86.410.785.062	6.770.180,68	12.763	(20)
23	26/5/2016	85.723.603.429	6.708.171,81	12.779	16
24	31/5/2016	86.493.596.563	6.708.171,81	12.894	115
25	2/6/2016	86.733.328.090	6.708.171,81	12.930	36
26	9/6/2016	87.440.564.848	6.708.171,81	13.035	105
27	16/6/2016	88.685.345.613	6.708.171,81	13.220	185
28	23/6/2016	90.551.135.049	6.710.434,29	13.494	274
29	30/6/2016	91.677.902.776	6.710.434,29	13.662	168
30	7/7/2016	95.195.388.599	6.710.434,29	14.186	524
31	14/7/2016	93.802.750.678	6.710.434,29	13.979	(207)
32	21/7/2016	93.292.301.987	6.715.566,93	13.892	(87)
33	28/7/2016	93.798.947.121	6.722.743,72	13.952	60
34	31/7/2016	94.241.339.437	6.722.743,72	14.018	66
35	4/8/2016	91.657.214.260	6.722.743,72	13.634	(384)
36	11/8/2016	93.940.705.882	6.722.743,72	13.974	340
37	18/8/2016	95.721.960.665	6.729.878,39	14.223	249
38	25/8/2016	95.905.488.732	6.729.878,39	14.251	28
39	31/8/2016	96.803.382.591	6.723.878,39	14.397	146
40	8/9/2016	97.231.567.636	6.723.878,39	14.461	64
41	15/9/2016	96.067.327.545	6.723.878,39	14.287	(174)
42	22/9/2016	97.656.663.220	6.723.878,39	14.524	237
43	29/9/2016	98.378.888.871	6.724.113,87	14.631	107

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC

ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2016		Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
			Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
44	30/9/2016	98.080.377.351	6.724.113,87	14.586	(45)
45	6/10/2016	99.241.782.336	6.724.113,87	14.759	173
46	13/10/2016	98.906.083.931	6.735.597,71	14.684	(75)
47	20/10/2016	98.129.724.191	6.735.937,19	14.568	(116)
48	27/10/2016	96.200.649.663	6.742.096,58	14.269	(299)
49	31/10/2016	96.849.507.444	6.742.306,19	14.364	95
50	3/11/2016	95.607.773.167	6.742.306,19	14.180	(184)
51	10/11/2016	96.647.466.390	6.746.218,88	14.326	146
52	17/11/2016	95.958.470.298	6.746.636,42	14.223	(103)
53	24/11/2016	96.643.716.361	6.746.636,42	14.325	102
54	30/11/2016	94.785.418.261	6.754.988,25	14.032	(293)
55	1/12/2016	94.669.186.533	6.754.988,25	14.015	(17)
56	8/12/2016	91.911.250.120	6.755.699,60	13.605	(410)
57	15/12/2016	93.136.387.821	6.763.320,09	13.771	166
58	22/12/2016	92.269.162.948	6.704.298,48	13.763	(8)
59	29/12/2016	93.965.661.421	6.706.616,94	14.011	248
60	31/12/2016	94.324.897.681	6.706.616,94	14.064	53
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm		90.001.985.872			
Mức cao nhất của NAV/ICCQ trong năm				14.759	
Mức thấp nhất của NAV/ICCQ trong năm				11.442	

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***17. Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành**

	31/12/2017 CCQ	31/12/2016 CCQ
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành trong vòng 1 năm	686.278,39	82.954,92
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành quá 1 năm	6.674.369,10	6.623.662,02
	<u>7.360.647,49</u>	<u>6.706.616,94</u>

18. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt**(a) Các bên liên quan***Giao dịch với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, Công ty Quản lý Quỹ*

	2017 VND	2016 VND
Phí quản lý Quỹ	1.705.894.068	1.347.890.402

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (2016: 1,5% một năm). Bất kỳ thay đổi của tỷ lệ phí quản lý Quỹ phải được phê duyệt trong Đại hội Nhà đầu tư nhằm đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá.

Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ

	2017 VND	2016 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 15)	180.000.000	180.000.000

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC**ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***Tỷ lệ chứng chỉ Quỹ mà các bên liên quan nắm giữ**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2017	31/12/2016
Eastspring Investments (Hong Kong) Limited	Cùng thuộc Tập đoàn Eastspring Investments	71,4706%	78,4404%
Dinh Bá Thành	Chủ tịch của Ban Đại diện Quỹ	13,5858%	14,9106%
Phan Ngọc Lan	Họ hàng của Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ	2,2439%	2,4627%
Triệu Thị Ngọc Thắm	Họ hàng của Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,2717%	0,2982%
Lê Nguyễn Bình	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,1359%	0,1491%
Phan Thị Anh Minh	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,1087%	0,1193%
Nguyễn Minh Tùng	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	N/A	0,1305%
Trần Thị Huệ	Họ hàng của Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,0679%	0,0746%
Trần Trọng Phương Thảo	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,0136%	0,0149%
Đặng Thị Thanh Trang	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,0136%	0,0149%
Lê Minh Thùy	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,0136%	0,0149%
Tổng Công Cường	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,0014%	0,0015%
		87,9267%	96,6316%

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(b) Các hợp đồng then chốt

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Ngân hàng Giám sát

	2017 VND	2016 VND
Phí dịch vụ lưu ký tài sản	109.487.795	98.884.474
Phí dịch vụ giám sát	25.019.781	19.769.155
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	43.784.617	34.595.114
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	184.308.627	156.107.119
	<hr/>	<hr/>
	362.600.820	309.355.862

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC”) làm Ngân hàng Lưu ký tài sản và Giám sát hoạt động của Quỹ. HSBC đồng thời được ủy quyền từ Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản, phí quản trị quỹ và phí đại lý chuyển nhượng hằng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng không nhỏ hơn mức phí tối thiểu và không vượt quá mức phí tối đa, cụ thể mức phí tối đa như sau:

- Phí giám sát là 0,02% NAV/năm.
- Phí lưu ký là 0,06% NAV/năm.
- Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán là 150.000 đồng cho một giao dịch.
- Phí lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“TTLKCK”) là phí do HSBC thu hàng tháng theo biểu phí của TTLKCK sau đó thanh toán lại cho TTLKCK.
- Phí dịch vụ quản trị Quỹ là 0,035% NAV/năm.
- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm hai nhóm phí như sau:
 - Nhóm phí tính trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch gồm:
 - Phí duy trì nhà đầu tư hàng năm là 0,05% NAV/năm.
 - Phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyển nhượng là 0,03% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyển nhượng.
 - Nhóm phí tính trên số lượng thực tế phát sinh gồm:
 - Phí thiết lập dữ liệu nhà đầu tư gồm tạo dữ liệu nhà đầu tư là 15.000 VND mỗi nhà đầu tư và tạo dữ liệu đại lý phân phối là 1.000.000 VND mỗi đại lý.
 - Các chi phí khác như phí gửi thư số lượng lớn, chi phí trả cổ tức, chi phí tính toán và chi trả phí hoa hồng và phí thưởng đại lý.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

19. Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động Quỹ mở

	2017	2016
I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư		
<i>Tỷ lệ chi phí hoạt động</i>		
1 Phí quản lý Quỹ/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	1,50%	1,50%
2 Phí dịch vụ lưu ký và giám sát Quỹ/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	0,12%	0,13%
3 Phí dịch vụ quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các phí khác/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	0,20%	0,21%
4 Phí kiểm toán/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	0,34%	0,43%
5 Thủ lao Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	0,16%	0,21%
6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	2,54%	2,69%
<i>Tốc độ vòng quay danh mục</i>		
7 Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2 x NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	61,24%	70,05%
	2017	2016
	VND	VND
II Các chỉ tiêu khác		
1 Quy mô Quỹ đầu năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)		
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ lưu hành đầu năm	6.706.616,94	6.782.239,27
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ lưu hành đầu năm	67.066.169.400	67.822.392.700
2 Thay đổi quy mô Quỹ trong năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)		
Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành trong năm	689.306,84	83.277,74
Giá trị vốn góp phát hành trong năm (theo mệnh giá)	6.893.068.400	832.777.400
Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong năm	(35.276,29)	(158.900,07)
Giá trị vốn góp mua lại trong năm khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(352.762.900)	(1.589.000.700)
3 Quy mô Quỹ cuối năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)		
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	7.360.647,49	6.706.616,94
Tổng giá trị đơn vị quỹ đang lưu hành cuối năm	73.606.474.900	67.066.169.400

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	2017 VND	2016 VND
4 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và các bên có liên quan cuối năm	87,9267%	96,6316%
5 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm	96,91%	98,60%
6 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối năm	78,56%	78,44%
7 Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm	158	132
8 NAV/chứng chỉ quỹ cuối năm	19.559	14.064

20. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm cổ phiếu niêm yết và trái phiếu. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Danh mục đầu tư của Quỹ được giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo tài sản được phân bổ phù hợp với các quy định hiện hành và điều lệ Quỹ.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán nợ và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Trung tâm lưu ký chứng khoán và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Trái phiếu do Quỹ đầu tư là trái phiếu chính phủ và trái phiếu được chính phủ bảo lãnh. Do đó, Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành trái phiếu.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và trái tức được nhận và tiền bán chứng khoán phải thu. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại các ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại các ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016 chủ yếu là chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016, thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Đòng tiền không chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Phải trả cho các Đại lý phân phối			
Chứng chỉ Quỹ	34.343.000	34.343.000	34.343.000
Chi phí phải trả	440.666.812	440.666.812	440.666.812
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại			
Chứng chỉ quỹ	124.144.876	124.144.876	124.144.876
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	211.198.374	211.198.374	211.198.374
	810.353.062	810.353.062	810.353.062

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Phải trả cho các Đại lý phân phối			
Chứng chỉ Quỹ	487.767	487.767	487.767
Chi phí phải trả	364.275.024	364.275.024	364.275.024
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại			
Chứng chỉ quỹ	116.674.492	116.674.492	116.674.492
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	144.839.784	144.839.784	144.839.784
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	626.277.067	626.277.067	626.277.067

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì Quỹ chỉ nắm giữ tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn với lãi suất cố định.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 103.486.512.900 Đồng Việt Nam (31/12/2016: 60.838.908.800 Đồng Việt Nam). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, tỉ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN Index cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 41% (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 26%). Nếu giá thị trường của các cổ phiếu này giảm hoặc tăng 41% tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 42.429.470.289 Đồng Việt Nam (31/12/2016: 15.818.116.288 Đồng Việt Nam).

(d) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập</i>				
▪ Các khoản đầu tư	103.486.512.900	103.486.512.900	90.630.347.000	90.630.347.000
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	24.753.400.000	24.753.400.000	-	-
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	14.983.240.624	14.983.240.624	2.868.370.684	2.868.370.684
▪ Phải thu về bán các khoản đầu tư	375.902.735	375.902.735	-	-
▪ Tiền lãi và cổ tức phải thu	1.174.636.329	1.174.636.329	1.453.274.836	1.453.274.836

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>				
• Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	34.343.000	34.343.000	487.767	487.767
• Chi phí phải trả	440.666.812	440.666.812	364.275.024	364.275.024
• Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	124.144.876	124.144.876	116.674.492	116.674.492
• Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	211.198.374	211.198.374	144.839.784	144.839.784

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quỹ sử dụng các phương pháp và giá định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

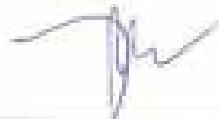
21. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:

Người duyệt:



Bà Lê Thị Thúy Phương
Quản lý Bộ phận Quản trị Quỹ



Ông Nguyễn Tuấn Thiên An
Tổng Giám đốc